

## Vị trí của ngành thủy sản trong nền kinh tế quốc dân

Theo Trung Tâm tin học - Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn  
Tel: 84.4.7716578, 8343182, 8318041 Fax: 84.4.7716578  
Địa chỉ: Số 10 Nguyễn Công Hoan - Email:ttam.bts@hn.vnn.vn

### B.3. Vị trí của ngành thủy sản trong nền kinh tế quốc dân

Ngành Thủy sản Việt Nam đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế đất nước. Quy mô của Ngành Thủy sản ngày càng mở rộng và vai trò của Ngành Thủy sản cũng tăng lên không ngừng trong nền kinh tế quốc dân.

Từ cuối thập kỷ 80 đến nay, tốc độ tăng trưởng GDP của Ngành Thủy sản cao hơn các ngành kinh tế khác cả về trị số tuyệt đối và tương đối, đặc biệt so với ngành có quan hệ gần gũi nhất là nông nghiệp. Giai đoạn 5 năm 1995-2000, GDP của Ngành Thủy sản đã tăng từ 6.664 tỷ đồng lên 14.906 tỷ đồng, tức là gấp 2 lần và năm 2003 ước tính đạt 24.327 tỷ đồng (theo giá thực tế). Tỷ trọng GDP của Ngành Thủy sản trong GDP của toàn bộ nền kinh tế năm 1990 chưa đến 3%, năm 2000 tỷ lệ đó là 4% và tỷ lệ này vẫn tiếp tục được giữ vững. Trái lại, GDP của ngành nông nghiệp đã giảm xuống tương đối: năm 1990, tỷ trọng GDP của ngành nông nghiệp là 38,7% đến năm 2000 đã giảm xuống chỉ còn 24,3% và năm 2003 còn 16,7%.

Ngành Thủy sản là một ngành kinh tế kỹ thuật đặc thù bao gồm nhiều lĩnh vực hoạt động mang những tính chất công nghiệp, nông nghiệp, thương mại và dịch vụ, cơ cấu thành một hệ thống thống nhất có liên quan chặt chẽ và hữu cơ với nhau. Trong khi các ngành khai thác, đóng sửa tàu thuyền cá, sản xuất ngư lưới cụ, các thiết bị chế biến và bảo quản thủy sản trực thuộc công nghiệp nhóm A, ngành chế biến thủy sản thuộc nhóm công nghiệp B, ngành thương mại và nhiều hoạt động dịch vụ hậu cần như cung cấp vật tư và chuyên chở đặc dụng thuộc lĩnh vực dịch vụ thì nuôi trồng thủy sản lại mang nhiều đặc tính của ngành nông nghiệp.

Vì vai trò ngày càng quan trọng của Ngành Thủy sản trong sản xuất hàng hoá phục vụ nhu cầu tiêu dùng thực phẩm trong nước và thu ngoại tệ, từ những năm cuối của thập kỷ 90, Chính phủ đã có những chú ý trong qui hoạch hệ thống thủy lợi để không những phục vụ tốt cho phát triển nông nghiệp mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển mạnh về nuôi trồng thủy sản, đặc biệt đối với vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.

Kể từ năm 2000, nuôi thủy sản nước lợ đã chuyển mạnh từ phương thức nuôi quảng canh sang quảng canh cải tiến, bán thâm canh và thâm canh. Nhiều mô hình nuôi thâm canh theo công nghệ nuôi công nghiệp đã được áp dụng, các vùng nuôi tôm lớn mang tính chất sản xuất hàng hoá lớn được hình thành, sản phẩm nuôi mặn lợ đã mang lại giá trị xuất khẩu rất cao cho nền kinh tế quốc dân và thu nhập đáng kể cho người lao động. Một bộ phận dân cư các vùng ven biển đã giàu lên nhanh chóng, rất nhiều gia đình thoát khỏi cảnh đói nghèo nhờ nuôi trồng thủy hải sản.

Trên thế giới, ước tính có khoảng 150 triệu người sống phụ thuộc hoàn toàn hay một phần vào Ngành Thủy sản. Ngành Thủy sản được coi là ngành có thể tạo ra nguồn ngoại tệ lớn cho nhiều nước, trong đó có Việt Nam. Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đã trở thành hoạt động có vị trí quan trọng hàng nhất nhì trong nền kinh tế ngoại thương Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu vẫn gia tăng hàng năm và năm 2004 đạt gần 2,4 tỷ USD, vượt 20% so với

kế hoạch, đưa chế biến thủy sản trở thành một ngành công nghiệp hiện đại, đủ năng lực hội nhập, cạnh tranh quốc tế và dành vị trí thứ 10 trong số nước xuất khẩu thủy sản hàng đầu trên thế giới.

### ***B.3.1. Vai trò đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế quốc dân***

#### *B.3.1.1. Cung cấp thực phẩm, tạo nguồn dinh dưỡng cho mọi người dân Việt Nam*

50% sản lượng đánh bắt hải sản ở vùng biển Bắc Bộ, Trung Bộ và 40% sản lượng đánh bắt ở vùng biển Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ được dùng làm thực phẩm cho nhu cầu của người dân Việt Nam. Nuôi trồng thủy sản phát triển rộng khắp, tới tận các vùng sâu vùng xa, góp phần chuyển đổi cơ cấu thực phẩm trong bữa ăn của người dân Việt Nam, cung cấp nguồn dinh dưỡng dồi dào. Từ các vùng đồng bằng đến trung du miền núi, tất cả các ao hồ nhỏ đều được sử dụng triệt để cho các hoạt động nuôi trồng thủy sản. Trong thời gian tới, các mặt hàng thủy sản sẽ ngày càng có vị trí cao trong tiêu thụ thực phẩm của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam.

#### *B.3.1.2. Đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm*

Ngành Thủy sản là một trong những ngành tạo ra lương thực, thực phẩm, cung cấp các sản phẩm tiêu dùng trực tiếp. Ở tầm vĩ mô, dưới giác độ ngành kinh tế quốc dân, Ngành Thủy sản đã góp phần đảm bảo an ninh lương thực thực phẩm, đáp ứng được yêu cầu cụ thể là tăng nhiều đạm và vitamin cho thức ăn. Có thể nói Ngành Thủy sản đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thực phẩm cho người dân, không những thế nó còn là một ngành kinh tế tạo cơ hội công ăn việc làm cho nhiều cộng đồng nhân dân, đặc biệt ở những vùng nông thôn và vùng ven biển. Những năm gần đây, đặc biệt từ năm 2001 đến năm 2004, công tác khuyến ngư đã tập trung vào hoạt động trình diễn các mô hình khai thác và nuôi trồng thủy sản, hướng dẫn người nghèo làm ăn. Hiện tại, mô hình kinh tế hộ gia đình được đánh giá là đã giải quyết cơ bản công ăn việc làm cho ngư dân ven biển. Bên cạnh đó, mô hình kinh tế tiêu chủ và kinh tế tư bản tư nhân đã góp phần giải quyết việc làm cho nhiều lao động ở các vùng, nhất là lao động nông nhân ở các tỉnh Nam Bộ và Trung Bộ. Nghề khai thác thủy sản ở sông Cừ Long được duy trì đã tạo công ăn việc làm cho 48.000 lao động ở 249 xã ven sông.

#### *B.3.1.3. Xóa đói giảm nghèo*

Ngành Thủy sản đã lập nhiều chương trình xóa đói giảm nghèo bằng việc phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản đến cả vùng sâu, vùng xa, không những cung cấp nguồn dinh dưỡng, đảm bảo an ninh thực phẩm mà còn góp phần xóa đói giảm nghèo. Tại các vùng duyên hải, từ năm 2000, nuôi thủy sản nước lợ đã chuyển mạnh từ phương thức nuôi quảng canh sang quảng canh cải tiến, bán thâm canh và thâm canh, thậm chí nhiều nơi đã áp dụng mô hình nuôi thâm canh theo công nghệ nuôi công nghiệp. Các vùng nuôi tôm rộng lớn, hoạt động theo quy mô sản xuất hàng hoá lớn đã hình thành, một bộ phận dân cư các vùng ven biển đã giàu lên nhanh chóng, rất nhiều gia đình thoát khỏi cảnh đói nghèo nhờ nuôi trồng thủy sản.

Hoạt động nuôi trồng thủy sản ở các mặt nước lớn như nuôi cá hồ chứa cũng đã phát triển, hoạt động này luôn được gắn kết với các chương trình phát triển trung du miền núi, các chính sách xóa đói giảm nghèo ở vùng sâu vùng xa.

#### *B.3.1.4. Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp nông thôn*

Việt Nam có đầy đủ điều kiện để phát triển một cách toàn diện một nền kinh tế biển. Nếu như trước đây việc lấn ra biển, ngăn chặn những ảnh hưởng của biển để mở rộng đất đai canh tác là định hướng cho một nền kinh tế nông nghiệp lúa nước thì hiện nay việc tiến ra biển, kéo biển lại gần sẽ là định hướng khôn ngoan cho một nền kinh tế công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

Trong những thập kỉ qua, nhiều công trình hồ thủy điện đã được xây dựng, khiến nước mặn ngoài biển thâm nhập sâu vào vùng cửa sông, ven biển. Đối với nền canh tác nông nghiệp lúa nước thì nước mặn là một thảm họa, nhưng với nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ thì nước mặn được nhận thức là một tiềm năng mới, vì hoạt động nuôi trồng thủy sản có thể cho hiệu quả canh tác gấp hàng chục lần hoạt động canh tác lúa nước.

Một phần lớn diện tích canh tác nông nghiệp kém hiệu quả đã được chuyển sang nuôi trồng thủy sản. Nguyên nhân của hiện tượng này là do giá thủy sản trên thị trường thế giới những năm gần đây tăng đột biến, trong khi giá các loại nông sản xuất khẩu khác của Việt Nam lại bị giảm sút dẫn đến nhu cầu chuyển đổi cơ cấu diện tích giữa nuôi trồng thủy sản và nông nghiệp càng trở nên cấp bách. Chính phủ đã đưa ra nghị quyết 09 NQ/CP ngày 15/6/2000 về chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và đó cũng là yếu tố giúp cho quá trình chuyển đổi diện tích nuôi trồng thủy sản càng diễn ra nhanh, mạnh và rộng khắp hơn. Quá trình chuyển đổi diện tích, chủ yếu từ lúa kém hiệu quả, sang nuôi trồng thủy sản diễn ra mạnh mẽ nhất vào các năm 2000-2002: hơn 200.000 ha diện tích được chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản hoặc kết hợp nuôi trồng thủy sản, tuy nhiên từ 2003 đến nay ở nhiều vùng vẫn tiếp tục chuyển đổi mạnh, năm 2003 đạt 49.000 ha và năm 2004 đạt 65.400 ha. Có thể nói nuôi trồng thủy sản đã phát triển với tốc độ nhanh, thu được hiệu quả kinh tế - xã hội đáng kể, từng bước góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế ở các vùng ven biển, nông thôn, góp phần xoá đói giảm nghèo và làm giàu cho nông dân.

Tại nhiều vùng nông thôn, phong trào nuôi cá ruộng trũng phát triển mạnh mẽ. Đây là hình thức nuôi cho năng suất và hiệu quả khá lớn, được đánh giá là một trong những hướng chuyển đổi cơ cấu trong nông nghiệp, góp phần làm tăng thu nhập cho người lao động và xoá đói giảm nghèo ở nông thôn. Tính đến nay, tổng diện tích ruộng trũng có thể đưa vào nuôi cá theo mô hình cá - lúa là 446.151 ha. Năm 2001, diện tích đã nuôi được xác định là 239.379 ha, con số này vẫn tiếp tục tăng trong những năm tiếp theo.

#### *B.3.1.5. Tạo nghề nghiệp mới, tăng hiệu quả sử dụng đất đai*

Ao hồ nhỏ là một thế mạnh của nuôi trồng thủy sản ở các vùng nông thôn Việt Nam. Người nông dân sử dụng ao hồ nhỏ như một cách tận dụng đất đai và lao động. Hầu như họ không phải chi phí nhiều tiền vốn vì phần lớn là nuôi quảng canh. Tuy nhiên, ngày càng có nhiều người nông dân tận dụng các mặt nước ao hồ nhỏ trong nuôi trồng thủy sản nước ngọt với các hệ thống nuôi bán thâm canh và thâm canh có chọn lọc đối tượng cho năng suất cao như mè, trắm, các loại cá chép, trôi Ấn Độ và các loài cá rô phi đơn tính.

#### *B.3.1.6. Nguồn xuất khẩu quan trọng*

Trong nhiều năm liền, Ngành Thủy sản luôn giữ vị trí thứ 3 hoặc thứ 4 trong bảng danh sách các ngành có giá trị kim ngạch xuất khẩu lớn nhất đất nước. Ngành Thủy sản còn là

một trong 10 ngành có kim ngạch xuất khẩu đạt trên một tỷ USD. Năm 2005, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt gần 2,7 tỷ USD.

*B.3.1.7. Đảm bảo chủ quyền quốc gia, đảm bảo an ninh quốc phòng ở vùng sâu, vùng xa, nhất là ở vùng biển và hải đảo*

Ngành Thủy sản luôn giữ vai trò quan trọng trong bảo vệ an ninh, chủ quyền trên biển, ổn định xã hội và phát triển kinh tế các vùng ven biển, hải đảo, góp phần thực hiện chiến lược quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

Năm 1997, Thủ tướng chính phủ đã ký Quyết định số 393/TTg phê duyệt Chương trình cho vay vốn tín dụng đầu tư đóng tàu khai thác hải sản xa bờ. Thực hiện quyết định này, từ năm 1997 đến năm 1999, Tổng cục Đầu tư và Phát triển đã cho vay 867.871 triệu đồng, tương đương với 802 con tàu. Năm 2000, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 64/2000/QĐ-TTg về việc sửa đổi quy chế quản lý và sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước cho các dự án đóng mới, cải hoán tàu đánh bắt tàu dịch vụ và đánh bắt hải sản xa bờ, tổng số vốn đã duyệt cho vay từ năm 2000 đến năm 2005 là 182.372 triệu đồng để đóng mới 166 con tàu. Việc gia tăng số lượng tàu lớn đánh bắt xa bờ không chỉ nhằm khai thác các tiềm năng mới, cung cấp nguyên liệu cho chế biến mà còn góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng trên các vùng biển của nước ta.

Tính đến nay, rất nhiều cảng cá quan trọng đã được xây dựng theo chương trình Biển đông hải đảo, cụ thể là: Cô Tô (Quảng Ninh), Bạch Long Vĩ và Cát Bà (Hải Phòng), Hòn Mê (Thanh Hoá), Côn Cỏ (Quảng Trị), Li Sơn (Quảng Nam), Phú Quý (Bình Thuận), Côn Đảo (Bà Rịa-Vũng Tàu), Hòn Khoai (Cà Mau), Nam Du, Thổ Chu và Phú Quốc (Kiên Giang). Hệ thống cảng cá tuyến đảo này sẽ được hoàn thiện đồng bộ để phục vụ sản xuất nghề cá và góp phần bảo vệ chủ quyền an ninh vùng biển của tổ quốc.

### ***B.3.2. Quan điểm, định hướng phát triển ngành thủy sản đến năm 2020***

Quan triệt đường lối phát triển kinh tế xã hội của Đảng, trên tinh thần tiếp tục và đẩy nhanh công cuộc đổi mới của đất nước, để góp phần thực hiện được các mục tiêu kinh tế xã hội đề ra trong năm 2010, đảm bảo yêu cầu gắn kết giữa phát triển sản xuất đa dạng với bảo vệ chủ quyền vùng biển và an ninh quốc phòng, quan điểm phát triển Ngành Thủy sản đến năm 2020 được xác định là:

- 1) Tiếp tục phát huy và phát huy hơn nữa tiềm năng và các nguồn lực để xây dựng thủy sản thành ngành kinh tế mũi nhọn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam.
- 2) Tiến hành công nghiệp hoá và hiện đại hoá dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến gắn với chuyên dịch cơ cấu đưa Ngành Thủy sản nhanh chóng trở thành một ngành sản xuất hàng hoá thống nhất, có tính cạnh tranh cao, có tỷ trọng xứng đáng trong cơ cấu GDP các ngành nông-lâm-ngư nghiệp và trong nền kinh tế quốc dân.
- 3) Coi trọng mở mang thị trường sản phẩm, cả xuất khẩu và nội địa; xuất khẩu được coi là mũi nhọn trong nhiều năm tới để xác định cơ cấu sản phẩm phù hợp. Cơ cấu này cùng với các yêu cầu an ninh thực phẩm phải tạo ra sự thống nhất trong mọi khâu và mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh của ngành, không tác động có hại đến các ngành kinh tế liên quan và

phù hợp với các yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn và phát triển nguồn lợi thủy sản tự nhiên.

4) Phát huy rộng rãi sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần đáng kể trong công cuộc xoá đói giảm nghèo, nâng cao cuộc sống tinh thần, vật chất và dân trí của dân cư ven biển, hải đảo. Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng.

5) Chủ động hội nhập Quốc tế và khu vực Đông Nam Á; xây dựng năng lực quản lý ngành đáp ứng các yêu cầu của thị trường xuất khẩu và tiếp cận nghề cá có trách nhiệm. Tranh thủ các kinh nghiệm quản lý và công nghệ tiên tiến trong nghề cá thế giới trên cơ sở thu hút và thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác quốc tế.

Theo những quan điểm đó, định hướng phát triển thủy sản từ nay đến năm 2020 sẽ là:

1) Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đi đôi với chuyển dịch cơ cấu để đảm bảo phát triển bền vững, hiệu quả. Ưu tiên xây dựng và hoàn thiện hạ tầng cơ sở nghề cá, coi trọng phát triển nguồn nhân lực để qua từng kế hoạch 5 năm đạt được các tiến bộ vững chắc, nhằm cơ bản công nghiệp hoá ngành theo hướng hiện đại vào năm 2020.

2) Tăng cường quản lý để nghề khai thác thủy sản có sự tăng trưởng hợp lý gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi. Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản, khai thác mạnh các tiềm năng nuôi biển và các khu vực nước ngọt. Khai thác hợp lý tuyến nước lợ, kết hợp nuôi thâm canh hợp lý với phát triển nuôi sinh thái các đối tượng xuất khẩu. Giảm thất thoát sau thu hoạch gắn liền với áp dụng hệ thống thống nhất bảo đảm an toàn vệ sinh từ khai thác, nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

3) Gắn xây dựng thủy sản thành ngành sản xuất hàng hoá tập trung, thống nhất với quản lý và phát triển theo vùng, phù hợp với cơ cấu kinh tế được quy hoạch cho các vùng, miền.

4) Lựa chọn, phát triển và áp dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến, bảo đảm sức cạnh tranh cao, đáp ứng các yêu cầu bền vững, các đòi hỏi của hội nhập nhưng cũng đồng thời phù hợp với khả năng đầu tư và đặc thù của nghề cá nhân dân.

5) Thông qua triển khai các chính sách đổi mới, đặc biệt là các chính sách về thị trường, về các thành phần kinh tế và về đất đai, mặt nước để phát huy cao nhất tiềm năng và các nguồn lực cho phát triển ngành. Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn tài trợ, các dự án quốc tế.

6) Xây dựng cơ cấu thị trường và cơ cấu sản phẩm ổn định, vừa có tính cạnh tranh cao, vừa chủ động đối phó với các rào cản thương mại trong quá trình hội nhập. Nâng dần tiêu thụ trong nước gắn với phát triển thị trường thủy sản nội địa. Phát triển mạnh mẽ và đổi mới dịch vụ hậu cần nghề cá.

7) Bảo đảm an toàn cho ngư dân đi biển. Giảm thiểu rủi ro về người và tài sản do thiên tai, dịch bệnh hoặc do sự bất thường trong mua bán sản phẩm mà thị trường bên ngoài chi phối.

## Hội nghị Tổng kết chương trình hỗ trợ ngành thủy sản Việt Nam giai đoạn II (FSPS II) (21/12/2012)

Ngày 21/12/2012, tại Hà Nội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Đại sứ quán Đan Mạch tổ chức Hội nghị Tổng kết Chương trình hỗ trợ ngành Thủy sản Việt Nam giai đoạn II. Thứ trưởng Vũ Văn Tám, ngài John Nielsen, Đại sứ Đan Mạch đồng chủ trì Hội nghị.



Phát biểu Khai mạc Hội nghị, Thứ trưởng Vũ Văn Tám khẳng định chương trình FSPS II đã hoàn thành mục tiêu đề ra. Sau gần 8 năm thực hiện, Chương trình đã hỗ trợ ngành thủy sản trong việc cải thiện thể chế của ngành từ trung ương đến địa phương, nâng cao kỹ năng quản lý cho cán bộ ở các cấp, xây dựng các mô hình đồng quản lý nghề cá, các mô hình sinh kế, nâng cao thu nhập, giúp hơn 40.000 người nghèo thoát nghèo. Chính phủ Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và PTNT đánh giá cao đóng góp của Chương trình vào sự phát triển của Việt Nam trong những năm qua. Chính phủ Việt Nam sẽ áp dụng các biện pháp duy trì và phát huy các kết quả của Chương trình, đầu tư nhiều hơn nữa cho ngành thủy sản, tiếp tục phát triển ngành thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của đất nước.

Theo đánh giá của ngài Đại sứ Đan Mạch John Nielsen, chặng đường hợp tác gần 20 năm giữa Việt Nam và Đan Mạch trong lĩnh vực thủy sản với sự thành công trên nhiều khía cạnh. Ngày nay, Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu thủy sản hàng đầu thế giới và đạt doanh thu xuất khẩu thủy sản 6.11 tỷ USD trong năm

2011. Đây là nền móng để Việt Nam và Đan Mạch cùng bước sang một giai đoạn hợp tác mới- giai đoạn xây dựng quan hệ đối tác thương mại vì lợi ích của hai nước.

Từ năm 1993, Chính phủ Đan Mạch đã hỗ trợ ngành thủy sản Việt Nam. Đến nay, tổng viện trợ không hoàn lại của Đan Mạch cho Việt Nam đạt gần 800 triệu USD, trong đó hỗ trợ cho ngành thủy sản gần 100 triệu USD, chia thành 2 giai đoạn. Giai đoạn I (2000-2005) với tổng kinh phí khoảng 41 triệu USD, đã trợ giúp kỹ thuật cho doanh nghiệp về các mặt như giới thiệu các hệ thống quản lý chất lượng, hỗ trợ xây dựng năng lực, hỗ trợ marketing quốc tế rất phù hợp với các nhu cầu của ngành, hỗ trợ phát triển hoạt động khuyến ngư cũng như phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ và biển tại cấp tỉnh và địa phương.

Sau khi Chương trình FSPS I kết thúc, Chương trình Hỗ trợ ngành thủy sản giai đoạn II(2006-2012) được Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Đan Mạch ký Hiệp định ngày 29/12/2005 với tổng kinh phí khoảng 40 triệu USD, gồm 4 hợp phần: Tăng cường năng lực quản lý hành chính thủy sản (Hợp phần STOF), Tăng cường năng lực quản lý khai thác thủy sản (Hợp phần SCAFI), Phát triển nuôi trồng bền vững (Hợp phần SUDA), Tăng cường năng lực sau thu hoạch và marketing (Hợp phần POSMA). Mục tiêu của FSPS II là các bộ phận dân cư nghèo ở nông thôn tham gia hoạt động nghề cá được hưởng lợi từ sự phát triển kinh tế bền vững của ngành thủy sản.

FSPS II được kéo dài trong 2 năm (2011-2012) nhằm hoàn thiện các mục tiêu của chương trình đã đề ra và thực hiện thêm các hoạt động kết nối thương mại nhằm phát triển lâu dài, các bên cùng có lợi. Nét nổi bật của chương trình là chuyển quyền sở hữu, tự chủ từ nhà tài trợ sang cơ quan thực hiện.

Sau gần 20 năm hỗ trợ với tổng giá trị hơn 100 triệu đô la Mỹ, Đan Mạch đã góp phần đem lại những đổi thay to lớn và tích cực trong xoá đói giảm nghèo, đem lại nguồn dinh dưỡng tốt hơn và cơ hội việc làm cho hàng triệu người Việt Nam, trong đó gần 50% là phụ nữ.

Chương trình đã đạt được thành công trong việc thúc đẩy sản xuất thủy sản bền vững thông qua tăng cường năng lực quản lý của ngành, đa dạng hoá nuôi trồng thủy sản, tăng cường kiểm soát chất lượng sau thu hoạch và tiếp cận thị trường. Đồng thời, Chương trình đã tập trung tạo thêm công ăn việc làm cho dân cư tại những khu vực nghèo nhất thuộc 8 tỉnh mục tiêu, góp phần trong công tác xoá đói giảm nghèo.

Việc tăng cường sản xuất thủy sản, chủ yếu trong lĩnh vực nuôi trồng đã góp phần đem lại cho người Việt Nam khoảng 30% đạm động vật từ sản phẩm thủy sản, gần gấp đôi mức trung bình của thế giới.

Bên cạnh đó, thủy sản Việt Nam vẫn còn có những thách thức về môi trường, về khả năng bị tổn hại do ảnh hưởng biến đổi khí hậu và nguy cơ dịch bệnh. Việc tiếp tục hợp tác thương mại với phía Đan Mạch sẽ đảm bảo kết nối thương mại và duy trì các thị trường lớn trên thế giới, tăng thêm lợi nhuận cho ngành. Việc tăng thu nhập cho các hộ nghèo và nâng cao chất lượng sản phẩm,

tăng giá trị xuất khẩu là những kết quả chính và là bằng chứng tích cực cho thấy thành công của chương trình FSPS II.

Kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Vũ Văn Tám đã đánh giá ghi nhận những kết quả đạt được của Chương trình, đồng thời trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Chính phủ Đan Mạch trong thời gian qua và mong muốn Chính phủ Đan Mạch tiếp tục hỗ trợ, giúp đỡ ngành Thủy sản Việt Nam, góp phần thắt chặt mối quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa Chính phủ và nhân dân hai nước.

Để ghi nhận những đóng góp xuất sắc của các tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai chương trình, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tặng bằng khen cho 15 cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện chương trình FSPS II, tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Nông nghiệp và PTNT cho ngài Đại sứ Đan Mạch Fohn Nielsen, bà Litz, Phó Đại sứ Đan Mạch, bà Nguyễn Thị Hằng, cán bộ phụ trách thủy sản của Đại sứ quán Đan Mạch; Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản tặng Giấy khen của cho 14 cá nhân khác.

**Thu Hiền**

<http://www.fistenet.gov.vn/b-tin-tuc-su-kien/a-tin-van/hoi-nghi-tong-ket-chuong-trinh-ho-tro-nganh-thuy-san-viet-nam-giai-11-loan-ii-fsps-ii>